

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp Hóa chất sát khuẩn theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hóa chất sát khuẩn năm 2023.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9. giờ, ngày 21/10/2022
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Lầu 4 Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028 3952 5243

10. Yêu cầu khác:

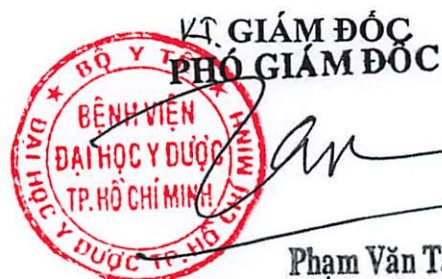
Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá/ bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có); kê khai giá.
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa: giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (02).



Phạm Văn Tấn

CÔNG TY:

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số 22.22/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Stt theo thư mời chào giá	Tên danh mục	Tên thương mại	Chi tiết kỹ thuật của sản phẩm chào giá	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng /Nước sản xuất	Hãng/ Nước Chủ sở hữu	Phân nhóm thông tư 14 (nếu có)	Số lưu hành/ giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng (có khả năng cung ứng)	ĐVT	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Giá kê khai

Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / đến ngày / /

Hàng mới 100%, hạn sử dụng trên 6 tháng.

Thời gian giao hàng:.....

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)





PHỤ LỤC DANH MỤC CUNG CẤP HÓA CHẤT SÁT KHUẨN NĂM 2023

(Đính kèm theo Thư mời chào giá số 2233 /BVĐHYD-VTTB ngày 15 tháng 10 năm 2022)

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (dạng cơ), chai 1200ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3,4 % (tổng các thành phần ± 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng cơ - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/1200ml	Chai	1.700
2	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, chai 354ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3,4 % (tổng các thành phần ± 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/354ml	Chai	4.500
3	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (tự động), chai 1200ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3,4 % (tổng các thành phần ± 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng tự động - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/1200ml	Chai	500
4	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có 45% ethanol, 18% kl/tt n-propanol, chai 100 ml	- Thành phần: Ethanol 45%, n-propanol 18% (tổng các thành phần ± 4%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/100ml	Chai	3.000
5	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có 45% ethanol, 18% kl/tt n-propanol, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 45%, n-propanol 18% (tổng các thành phần ± 4%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/500ml	Chai	10.000
6	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có pH: 6.5 +/- 0.5, chứa 52% Ethanol, 18% Propane-2-OL, chai 500ml	- Thành phần: Ethanol 52%, Propane-2-OL 18% (tổng các thành phần ± 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/ 500ml	Chai	12.500
7	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có chứa 0.5% Chlorhexidine Gluconate + 70% Ethanol, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 0.5%, Ethanol 70% (tổng các thành phần ± 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/ 500ml	Chai	8.000

Handwritten signature

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
8	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có Ethanol 70% + Propanol-2-ol 1.74%, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 70%, Propanol-2-ol 1.74% (tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/ 500ml	Chai	11.000
9	4	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa máy chạy thận	- Thành phần: 1000 ml chứa 500g acid citric khan ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Can/5 lít	Can	70
10	6	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa quả lọc thận	- Thành phần: Peracetic acid 5%; Hydrogen Peroxide 25%, Acetic Acid: 9% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Can/5 lít	Can	10
11	3	Que thử nồng độ Peracetic acid , trước khi bảo quản	- Định lượng chất Peracetic acid trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Hộp/100 que	Hộp	8
12	3	Que thử nồng độ Peracetic acid, sau khi làm sạch	- Định lượng chất Peroxide trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Hộp/100 que	Hộp	8
13	Không phân nhóm	Dung dịch rửa vết thương chứa 1% Povidone iodine + 50% 2-propanol, chai 250 ml	- Thành phần: Povidone Iodine 1%, 2-propanol 50% nồng độ iodine tự do 10% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch (chai xịt) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/250ml	Chai	2.650
14	Không phân nhóm	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 100 ml	- Thành phần: 7.5% Povidone iodine, nồng độ iodine tự do 10% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/100ml	Chai	32.500
15	Không phân nhóm	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 500 ml	- Thành phần: 7.5% Povidone iodine, nồng độ iodine tự do 10% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN	Chai/500ml	Chai	1.225
16	3	Dung dịch rửa vết thương dạng dung dịch chứa 0.1% Betadine + 0.1% polyhexadine, chai 350 ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	Chai/350ml	Chai	5.310
17	3	Dung dịch rửa vết thương dạng dung dịch chứa 0.1% Betadine + 0.1% polyhexadine, ống 40ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt các tiêu chuẩn ISO/ CE	Ống/40ml	Ống	370

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
18	3	Dung dịch rửa vết thương dạng gel chứa 0.1% Bétadine + 0.1% polyhexadine, chai 30ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: gel - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	Chai/30ml	Chai	750
19	Không phân nhóm	Dung dịch tắm trước phẫu thuật 4% Chlorhexidine digluconate, chai 30 ml	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 Hexamethylenebis (5-(4-Chlorophenyl)-biguanide) digluconate 4%), ($\pm 5\%$) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/30ml	Chai	28.000
20	Không phân nhóm	Dung dịch tắm trước phẫu thuật chứa 3,9% kl/kl Chlorhexidine digluconate (tương đương 4% kl/tt), chai 100 ml	- Thành phần: chứa 3,9% kl/kl chlorhexidine digluconate (tương đương 4% kl/tt) ($\pm 5\%$) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/100ml	Chai	180
21	Không phân nhóm	Khăn tắm khô Chlorhexidine digluconate	- Khăn tắm khô định dạng hình găng tay sử dụng một lần chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương có trọng lượng 60-70 gsm - Kích thước khoảng 220 x 150 mm (± 5) - Thành phần: Chlohexidine digluconate 0,1%, Octenidin HCL 9ppm (0,009%), (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: khăn tắm hóa chất - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Gói /10 khăn	Gói	3.000
22	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine Gluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 4% ($\pm 2,5\%$) (tương đương Chlorhexidine 22,5 g/l) , Isopropanol < 10%. - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Can/5 lít	Can	450
23	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlohexidine Gluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 4% ($\pm 2,5\%$) (tương đương Chlorhexidine 22,5 g/l) , Isopropanol < 10%. - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/ 500ml	Chai	300
24	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlohexidine digluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 Hexamethylenebis (5-(4-Chlorophenyl)-biguanide) digluconate 4%) ($\pm 2,5\%$) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/ 500ml	Chai	200

10-21

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
25	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 Hexamethylenebis (5-(4-Chlorophenyl)-biguanide) digluconate 4%) ($\pm$ 2,5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Can/5 lít	Can	450
26	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 0.5% Benzalkonium Chloride, sử dụng theo máy phân lượng (dạng cơ), chai 1200 ml	- Thành phần: Benzalkonium Chloride 0.5% ($\pm$ 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng cơ - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/1200ml	Chai	100
27	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 0.5% Benzalkonium Chloride, sử dụng theo máy phân lượng (tự động), chai 1200 ml	- Thành phần: Benzalkonium Chloride 0.5% ($\pm$ 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng tự động - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/1200ml	Chai	300
28	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% ($\pm$ 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Can/5 lít	Can	300
29	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% ($\pm$ 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/ 500ml	Chai	3.000
30	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, can 5 lít	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8% (Tổng các thành phần $\pm$ 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Can/5 lít	Can	210
31	Không phân nhóm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, chai 500 ml	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8%(Tổng các thành phần $\pm$ 5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/EN/ASTM E	Chai/ 500ml	Chai	2.000

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
32	Không phân nhóm	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong tẩy rửa và khử trùng sàn nhà và bề mặt, chứa Didecyl dimethyl ammonium chloride 2.5% + N,N Bis (3Aminopropyl) dodecylamine 5.1%	- Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride 2,5%, N-(3-Aminopropyl) -N - dodecylpropane -1,3-diamine 5,1% ((Tổng các thành phần ± 2,5%) - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Can/5 lít	Can	10
33	3	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm amonium bậc 4 + Alcohol (17% kl/kl 1- propanol, 0.23% kl/kl Didecyl dimethyl ammonium chloride), gói 100 cái	- Thành phần: Propanol-1 17%, Didecyl dimethyl ammonium chloride 0.23% (Tổng các thành phần ± 5%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 20 x 20 cm (±2 cm) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Gói/100 cái	Gói	500
34	3	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm Amonium bậc 4 (0,095% Alkylbenzyl Dimethyl ammonium Chloride, 0,025% Didecyl Dimethyl ammonium Chloride), gói 100 cái	- Thành phần: Alkylbenzyl Dimethyl ammonium Chloride 0,095%, Didecyl Dimethyl ammonium Chloride 0,025% (Tổng các thành phần ± 5%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 20 x 20 cm (±2 cm) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Gói/100 cái	Gói	5.000
35	3	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm Alcohol (62% Ethanol), gói 120 cái	- Thành phần: Ethanol 62%, N-(3-Aminopropyl) -N - dodecylpropane -1,3-diamine 0,15% (Tổng các thành phần ± 5%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 15 x 20 cm (±2 cm) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Gói/120 cái	Gói	1.000
36	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế, hoạt chất Amonium bậc 4 (0,095% Alkylbenzyl Dimethyl ammonium Chloride, 0,025% Didecyl Dimethyl ammonium Chloride), chai 750ml	- Thành phần: Alkylbenzyl Dimethyl ammonium Chloride 0,095%, Didecyl Dimethyl ammonium Chloride 0,025% (Tổng các thành phần ± 5%) - Dạng bào chế: dung dịch (chai xịt) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/750ml	Chai	300
37	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế hoạt chất alcohol (62% Ethanol), chai 500ml	- Thành phần: Ethanol 62%, N-(3-Aminopropyl) -N - dodecylpropane -1,3-diamine 0,15% (Tổng các thành phần ± 5%) - Dạng bào chế: dung dịch (chai xịt) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/ 500ml	Chai	250

7/10/2

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
38	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế dạng phun xịt chứa ethanol và Chlorhexidine digluconate, chai 1 lít	- Thành phần: Ethanol 22,6%, Chlorhexidine digluconate 0,064%, Didecylmethyl ammonium chloride 0,053%, (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch (chai xịt) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/1 lít	Chai	100
39	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế dạng phun xịt chứa Didecylmethylammonium chloride 0,3%, chai 750 ml	- Thành phần: N,N-didecyl-N,N-dimethylammonium chloride 0,3% ($\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch (chai xịt) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/750ml	Chai	200
40	Không phân nhóm	Hóa chất khử khuẩn mức độ trung bình dạng viên nén chứa 2.5g Troclosense sodium	- Thành phần: 2.5g Troclosense sodium ($\pm 5\%$) - Dạng bào chế: viên nén - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp/100 viên	Viên	8.000
41	Không phân nhóm	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 7,5%, can 5 lít	- Thành phần: Hydrogen peroxide 7.5 % ($\pm 5\%$) + Ion Ag 15-75ppm (0,0015-0,0075%) - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 120 phút - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt các tiêu chuẩn ISO/CE	Can/5 lít	Can	200
42	Không phân nhóm	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 12% , chai 1 lít	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 12% ($\pm 5\%$) + Ion Ag 15-75ppm (0,0015-0,0075%) - Dạng bào chế: dung dịch - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 120 phút - Đạt các tiêu chuẩn ISO/CE	Chai/1 lít	Chai	300
43	Không phân nhóm	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 6% , chai 1 lít	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 6% ($\pm 5\%$) + Ion Ag 15-75ppm (0,0015-0,0075%) - Dạng bào chế: dung dịch - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 60 phút - Đạt các tiêu chuẩn ISO/CE	Chai/1 lít	Chai	1.000
44	Không phân nhóm	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa 0,13% peracetic acid + 2,5% hydrogen peroxide + 5% acetic acid	- Thành phần: Peracetic acid 0,13%, Hydrogen peroxide 2,5%, Acetic acid 5% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 120 phút - Đạt các tiêu chuẩn ISO/CE	Can/2 lít	Can	200

TE
EN
DUQ
ANH
MO

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
45	3	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (04 loại): Subtilisins, lipase, amylase, cellulase, can 5 lít	- Thành phần: Subtilisins (0-1%), 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one (<0.05%), lipase (<0.1%), amylase (<0.1%), và Cellulase (<0.1%), - Dạng bào chế: dung dịch - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Can/5 lít	Can	460
46	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 0.55% Ortho-Phthalaldehyde, can 3.78 lít	- Thành phần: 0.55% Ortho-Phthalaldehyde ($\pm 2,5\%$) - pH 7.2-7.8, tương thích với chất liệu dụng cụ bao gồm silicone - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Can/3.78 lít	Can	2.000
47	3	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15 Amylase + 0.05 Cenllulase, can 3.8 lít	- Thành phần: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15 Amylase + 0.05 Cenllulase (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Can/3.8 lít	Can	440
48	3	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0,5% Protease, chai 1 lít	- Thành phần: 0,5% Protease subtilisin ($\pm 5\%$) - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Chai/1 lít	Chai	120
49	3	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0,5% Protease, can 5 lít	- Thành phần: 0,5% Protease subtilisin ($\pm 5\%$) - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Can/5 lít	Can	360
50	6	Dung dịch bảo dưỡng, chống rỉ sét dụng cụ chứa Triethanolamine 8%, Ethoxylated alcohol 5%, chai 750 ml	- Thành phần: Triethanolamine 8%, Ethoxylated alcohol 5% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Chai/750ml	Chai	10
51	6	Dung dịch bảo dưỡng, chống rỉ sét dụng cụ chứa Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5%, chai 750 ml	- Thành phần: Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Chai/750ml	Chai	15

YMO

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
52	6	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme dùng làm ẩm dụng cụ, chai 750 ml	- Thành phần: protease, lipase, Amylase, mannanase, cellulase < 5%, + 1 (-2 - methoxy-1- methylethoxy)-propanol-2 < 15% - Dạng bào chế: dung dịch - Có chất hoạt động bề mặt , chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Chai/750ml	Chai	100
53	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong khử khuẩn mức độ trung bình 20% kl/kl Cocopropylene Diamine, can 5 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 20% (± 5%) - Có chất hoạt động bề mặt , chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Can/5 lít	Can	100
54	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 20% kl/kl Cocopropylene Diamine, chai 1 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 20% (± 5%) - Có chất hoạt động bề mặt , chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/1 lít	Chai	60
55	Không phân nhóm	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 3% enzyme Savinase 16 lex (protease), can 5 lít	- Thành phần: Enzyme Savinase 16 lex (protease) 3% (± 5%) - Có chất hoạt động bề mặt , chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Can/5 Lít	Can	200
56	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 2% Hydrogen peroxide đã hoạt hóa (tương đương Hydrogen peroxide 7.5%), can 4 lít	- Thành phần: Hydrogen peroxide 2 %, 2-Furancarboxylic acid: 2 – 3%, Potassium hydroxide 0,405%, Phosphoric acid 0,4% ,1-Hydroxyethane-1,1-diphosphonic acid 0,3% (Tổng các thành phần ± 2,5%) - Có chất hoạt động bề mặt , chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	Can/4 lít	Can	3.195
57	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chai 1 lít	- Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride 6,5%, Chlorhexidine digluconate 0,074% (Tổng các thành phần ± 5%) - Có chất hoạt động bề mặt , chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Chai/1 lít	Chai	340

CHỈ MINH

Stt	Phân nhóm TT14 (nếu có)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
58	3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride 6,5%, Chlorhexidine digluconate 0,074% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Can/5 lít	Can	360
59	3	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (05 loại): protease, lipase, amylase, mannanase, cellulase, can 5 lít	- Thành phần: protease < 0,1%, lipase < 0,1%, amylase < 0,1%, mannanase < 0,1%, cellulase < 0,1% - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Can/5 lít	Can	400
60	3	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2,75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, gói 25g	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2,75% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: bột - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Gói/25g	Gói	15.000
61	3	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2,75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, thùng 2kg	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2,75% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: bột - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Thùng/2kg	120	500
62	3	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2,75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, gói 5g	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2,75% (Tổng các thành phần $\pm 5\%$) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: bột - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE/FDA/ EN	Gói/5g	Gói	10.000

Handwritten signature